TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 28-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Đinh Thị Thúy Hằng**

Ông **Nguyễn Văn Bé**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Hùng Cường**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2019/TLST-DS, ngày 26/8/2019, về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-DS, ngày 23/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-DS, ngày 07/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Thanh L**, sinh năm 1970, có mặt;
Cư trú tại: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Bà **Đặng Thị Thúy P**, sinh năm 1963, vắng mặt không có lý do;
Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1964, vắng mặt không có lý do;
Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 01/6/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh L trình bày: Chị Huỳnh Thị Thanh L có cho vợ chồng bà Đặng Thị Thúy P và ông Lê Văn K vay tiền cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 24/7/2018, bà P, ông K vay 28.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, có làm biên nhận bà P, ông K có ký tên vào biên nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn trả vốn, khi nào cần thì chị sẽ cho bà P, ông K biết. Bà P, ông K có đóng lãi cho chị mỗi tháng 560.000 đồng đóng đến ngày 24/6/2019 thì ngưng không đóng lãi nữa, chị nhận lãi 11 tháng với số tiền 6.160.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 27/11/2018, bà P vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, có làm biên nhận bà P có ký tên vào biên nhận nợ. Thỏa thuận 04 tháng sẽ trả đủ tiền vốn cho chị. Bà P có đóng lãi cho chị mỗi tháng 200.000 đồng đóng đến ngày 27/6/2019 thì ngưng không đóng lãi nữa, chị nhận lãi 07 tháng với số tiền 1.400.000 đồng.

- Lần thứ ba: Vào ngày 15/7/2019, bà P vay 55.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, có làm biên nhận bà P có ký tên vào biên nhận nợ. Thỏa thuận trong 20 ngày sẽ trả đủ tiền vốn, chị chưa nhận lãi của số tiền này và chị cũng không có tài liệu chứng minh có việc thỏa thuận về lãi suất.

Chị L có đòi P, ông K các khoản vay này nhưng ông bà không trả. Ngày 04/8/2019, bà P có điện thoại cho chị nói khi bán được đất thì trả nợ, chị L không đồng ý.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà Đặng Thị Thúy P trả cho chị số tiền vốn vay còn nợ bằng 65.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với thời gian và mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Buộc bà Đặng Thị Thúy P, ông Lê Văn K trả cho chị số tiền vốn vay còn nợ bằng 28.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với thời gian và mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tài liệu do nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh L cung cấp: Các đơn khởi kiện, 01 biên nhận nợ bản chính ngày 15/7/2019 đối với số tiền 55.000.000 đồng; 01 biên nhận nợ ngày 27/11/2018 đối với số tiền vay 10.000.000 đồng; 01 biên nhận nợ ngày 24/7/2018 đối với số tiền 28.000.000 đồng; 01 giấy phô tô chứng minh nhân dân; 01 bản phô tô sổ hộ khẩu.

Đối với bị đơn bà Đặng Thị Thúy P và ông Lê Văn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bà Đặng Thị Thúy P và ông Lê Văn K nhưng bà P và ông K không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bà P và ông K được nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn bà Đặng Thị

Thúy P và ông Lê Văn K chưa chấp hành đúng theo quy định về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu của chị Huỳnh Thị Thanh L yêu cầu bà Đặng Thị Thúy P trả cho chị số tiền vốn vay còn nợ bằng 65.000.000 đồng, bà Đặng Thị Thúy P, ông Lê Văn K trả cho chị số tiền vốn vay còn nợ bằng 28.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Về lãi suất yêu cầu xem xét theo đúng quy định của pháp luật, về số tiền lãi suất chị L đã nhận vượt quá so với quy định của pháp luật yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại.

Về chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Đặng Thị Thúy P, ông Lê Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại kết quả cung cấp thông tin của Công an xã H xác nhận bà Đặng Thị Thúy P và ông Lê Văn K có đăng ký hộ khẩu tại ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nhưng bà P, ông K không còn ở địa phương. Đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh L đã ghi địa chỉ của bà P, ông K đúng với địa chỉ tại các biên nhận nợ. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh L:

- Khoản vay ngày 24/7/2018, chị Huỳnh Thị Thanh L cho bà Đặng Thị Thúy P, ông Lê Văn K vay 28.000.000 đồng, không quy định thời hạn trả vốn, có viết biên nhận nợ và bà P, ông K có ký tên vào biên nhận, chị L thừa nhận có nhận lãi suất của số tiền này 11 tháng với mức lãi suất 2%/tháng bằng 6.160.000 đồng, đây là hợp đồng vay có lãi và không kỳ hạn.

- Khoản vay ngày 27/11/2018, chị L có cho bà P có vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, có viết biên nhận bà P có ký tên vào biên nhận. Thỏa thuận 04 tháng sẽ trả đủ tiền vốn cho chị. chị L thừa nhận có nhận lãi suất của số tiền này 07 tháng với mức lãi suất 2%/tháng bằng 1.400.000 đồng, đây là hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn.

- Đối với khoản vay ngày 15/7/2019, chị L bà P có vay 55.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, có viết biên nhận và bà P có ký tên vào biên nhận. Thỏa

thuận trong 20 ngày sẽ trả đủ tiền, đây là hợp đồng vay không có lãi vì chị L không chứng minh được việc có thỏa thuận lãi và có kỳ hạn.

Bị đơn bà P, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có ý kiến đối với các khoản tiền vay mà chị đã khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh L đã cung cấp cho Tòa án 03 biên nhận nợ nêu trên và yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Đặng Thị Thúy P và ông Lê Văn K trong các biên nhận nợ. Tại kết luận giám định số: 68/KL/GĐ, ngày 25/02/2020 và kết luận giám định số: 77/KL/GĐ, ngày 06/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận chữ ký trong 03 biên nhận nợ mà chị L cung cấp ngày 15/7/2019, biên nhận ngày 27/11/2018, ngày 24/7/2018 là chữ ký do bà Đặng Thị Thúy P và ông Lê Văn K ký ra nên yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh L về buộc ông K, bà P trả số tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về việc trả lãi trong việc vay: Khoản tiền vay 28.000.000 đồng, nguyên đơn chị L thừa nhận có nhận lãi 6.160.000 đồng, lãi suất 2%/tháng và khoản tiền vay 10.000.000 đồng nguyên đơn chị L cũng thừa nhận nhận lãi 1.400.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất do các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm (Tức là không vượt quá 1.66%/tháng), thỏa thuận 2%/tháng đã vượt quá lãi suất giới hạn nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực và phải được khấu trừ vào vốn gốc tại thời điểm trả lãi.

[5] Tổng số tiền mà bà Đặng Thị Thúy P và ông Lê Văn K có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị Thanh L được tính cụ thể như sau:

5.1. Khoản vay ngày 24/7/2018 mà ông K, bà P vay 28.000.000 đồng, không quy định thời hạn trả vốn nên tính thời hạn trong hạn đến ngày nộp đơn là ngày 07/8/2019: 28.000.000 đồng x 20%/năm (1.66%/tháng) x 12 tháng 14 ngày = 5.794.506 đồng. Số tiền chị L nhận lãi vượt quá quy định 6.160.000 đồng – 5.794.506 đồng = 365.494 đồng. Số tiền vốn gốc ông K, bà P có nghĩa vụ trả cho chị L 28.000.000 đồng – 365.494 đồng = 27.634.506 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất ông , bà P có nghĩa vụ trả cho chị L từ ngày 08/8/2019 đến ngày 28/8/2020 bằng 10%/năm (0.833%/tháng) được tính như sau: 27.634.506 đồng x 10%/năm x 12 tháng 20 ngày = 2.915.808 đồng.

Như vậy ông K, bà P có nghĩa vụ trả cho chị L là 30.550.314 đồng (Trong đó vốn gốc 27.634.506 đồng, lãi 2.915.808 đồng).

5.2. Khoản vay ngày 27/11/2018 mà bà P vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận 04 tháng trả vốn: 10.000.000 đồng x 20%/năm (1.66%/tháng) x 04 tháng (27/11/2018 đến ngày 27/3/2019) = 664.000 đồng. Số tiền chị L nhận lãi 04 tháng là vượt quá quy định 800.000 đồng – 664.000 đồng = 136.000 đồng. Số tiền vốn gốc bà P có nghĩa vụ trả cho chị L 10.000.000 đồng – 136.000 đồng = 9.864.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất bà P có nghĩa vụ trả cho chị L từ ngày 28/3/2019 đến ngày 28/8/2020 bằng

10%/năm được tính như sau: 9.864.000 đồng x 10%/năm (0.833%/tháng) x 17 tháng = 1.396.841 đồng – 03 tháng nhận lãi 600.000 đồng (Do chị L nhận tổng cộng lãi 07 tháng bằng 1.400.000 đồng) = 796.841 đồng.

Như vậy bà P có nghĩa vụ trả cho chị L là 10.660.841 đồng (Trong đó vốn gốc 9.864.000 đồng, lãi 796.841 đồng).

5.3. Khoản vay ngày 15/7/2019 bà P vay 55.000.000 đồng, không có lãi và có kỳ hạn 20 ngày, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất bà P có nghĩa vụ trả cho chị L 10%/năm nên được tính tiền gốc chậm trả sẽ là ngày tiếp theo khi hết thời hạn trả nợ: 55.000.000 đồng x 10%/năm (0.833%/tháng) x 12 tháng 24 ngày (Ngày chậm trả tiền gốc là ngày 04/8/2019) = 5.864.320 đồng.

Như vậy bà P có nghĩa vụ trả cho chị L là 60.864.320 đồng (Trong đó vốn gốc 55.000.000 đồng, lãi 5.864.320 đồng).

[6] Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là 5.160.000 đồng:

Buộc ông Lê Văn K, bà Đặng Thị Thúy P phải chịu 5.160.000 đồng;

Chị Huỳnh Thị Thanh L không phải chịu chi phí trưng cầu giám định. Do chị L đã dự nộp tạm ứng số tiền chi phí giám định trước nên bà P, ông K phải nộp 5.160.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần để hoàn trả lại cho chị Huỳnh Thị Thanh H

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[8] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91, 92; Điều 147, 161, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 429, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh L yêu cầu bà Đặng Thị Thúy P trả số vốn vay còn nợ bằng 65.000.000 đồng và yêu cầu bà Đặng Thị Thúy P, ông Lê Văn K trả số tiền vốn vay 28.000.000 đồng, lãi suất yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

1.1. Buộc ông Lê Văn K và bà Đặng Thị Thúy P có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh

Thị Thanh L số tiền vay còn nợ là **30.550.314** đồng *(Trong đó vốn gốc 27.634.506 đồng, lãi 2.915.808 đồng).*

1.2. Buộc bà Đặng Thị Thúy P có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Thanh L số tiền vay còn nợ là **71.525.161** đồng *(Trong đó tiền vốn 64.864.000 đồng; Tiền lãi 6.661.161 đồng).*

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là **5.160.000 đồng**:

- Buộc ông Lê Văn K, bà Đặng Thị Thúy P phải chịu 5.160.000 đồng;

- Chị Huỳnh Thị Thanh L không phải chịu chi phí trưng cầu giám định. Do chị L đã dự nộp tạm ứng số tiền chi phí giám định trước nên bà P, ông K phải nộp 5.160.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần để hoàn trả lại cho chị Huỳnh Thị Thanh L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc chị Huỳnh Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm *[Đối với yêu cầu tiền vốn vay không được chấp nhận 501.494 đồng (93.000.000 đồng – 92.498.506 đồng)]* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Huỳnh Thị Thanh L đã nộp là 2.726.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0004576, ngày 23/8/2019 và biên lai thu tiền số 0007793, ngày 08/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Thanh L số tiền chênh lệch bằng 2.426.000 đồng.

3.2. Buộc ông Lê Văn K và bà Đặng Thị Thúy P phải chịu 1.527.515,7 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Buộc bà Đặng Thị Thúy P phải chịu 3.576.258,05 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh